

STT	Mã nội thần	Tên Hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
887	GR.102	Máy khí dung	Cải	3,00	-	Máy bơm, xông liên tục, công suất cao, tương thích với nhiều loại bầu xông (cốc thuốc) trên thị trường. Tốc độ xông 0,4ml/phút, hạt phun nhỏ mịn 3µm. Thích hợp dùng cho phòng khám và gia đình nhiều người. Bộ phụ kiện gồm: 1 dây xông, 1 bầu xông, 1 ống ngậm, 1 mặt nạ người lớn & 1 trẻ em, 5 miếng lọc khí, túi đựng	Không yêu cầu	Không phải TBVT	2.796.500,00	8.389.500,00	-
888	G10.5	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép c	Chiếc	31,00	9,00	Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mắt (cấy ghép cảm), kích thước: Độ dày từ 10 mm Chiều dài: từ 59 mm Chiều ngang: 13,5 mm	OECD	Thiết bị y tế	3.612.000,00	111.972.000,00	32.508.000
889	G10.17	Túi đựng nước, loại Gel, hình tròn,	Chiếc	22,00	6,00	- Túi đựng nước hình tròn bề mặt trơn - Chứa liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp, hai lớp methyl deo, dai đàn hồi bảo vệ túi năng nước, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần từ silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. - Thể tích: 400cc, 425cc, 450cc, 475cc, 500cc - Độ nhô cao - Tiết khuôn	G7	Thiết bị y tế	9.343.688,00	205.561.136,00	56.062.128
890	G10.18	Túi đựng nước, loại Gel, hình tròn,	Chiếc	36,00	10,00	- Túi đựng nước hình tròn bề mặt trơn - Chứa liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp, hai lớp methyl deo, dai đàn hồi bảo vệ túi năng nước, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần từ silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. - Thể tích: 400cc, 425cc, 450cc, 475cc, 500cc - Độ nhô trong hình - cao - Tiết khuôn	G7	Thiết bị y tế	9.343.688,00	336.372.768,00	93.436.880
891	G10.82	Kim y tế cơ 33G x 4mm	Cây	500,00	100,00	- Kien cơ Kim 33G - Chiều dài kim 4mm - Đường kính ngoài 0,25mm - 0,27mm - Đường kính trong 0,16mm - Kim được làm từ thép không gỉ STS 304L, và được phủ silicon - Tay cầm và ống đựng kim: chất liệu Polypropylene homo polymer	OECD	Thiết bị y tế	21.500,00	10.750.000,00	2.150.000
892	G10.99	Dầu tıp đang Line 1,5mm (14.000	Cải	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 7MHz - 1,5mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 83mm x 75mm x 32mm (±5mm) - Trọng lượng <0,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
893	G10.100	Dầu tıp đang Line 3,0mm (14.000	Cải	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 7MHz - 3,0mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 83mm x 75mm x 32mm (±5mm) - Trọng lượng <0,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
894	G10.101	Dầu tıp đang Line 4,5mm (14.000	Cải	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 4MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 83mm x 75mm x 32mm (±5mm) - Trọng lượng <0,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
895	G10.102	Dầu tıp đang Pen 1,5mm (240.000	Cải	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 7MHz - 1,5mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 136mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng <0,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
896	G10.103	Dầu tıp đang Pen 3,0mm (240.000	Cải	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 7MHz - 3,0mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 136mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng <0,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
897	G10.104	Đầu tip dạng Pen 4,5mm (240.000)	Cái	3,00	-	- Động năng lượng: 0,1 ~1,5J - Tần số: 4MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 130mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥240.000 shots - Tương thích với máy Lifttera A Chỉ từ tiêu kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ có gai dọc theo thân chỉ, giúp bám vào vùng da cần điều trị và nâng vùng da lên, giảm chảy xệ. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 100mm, chiều dài chỉ 200mm. Size kim 18G. Đóng gói dùng 20 sợi/gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản chắc và nâng cơ Công dụng kéo để nâng đỡ và kéo vùng da chảy xệ Xóa rãnh mũi, má và miệng bị do bị lão hóa do tuổi tác. Cổ định và điều chỉnh gương mặt không cần đối. Kim đầu tù giảm tối đa tổn thương thành mạch máu. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
898	G10.143	Chỉ tạo khung sườn nâng đỡ vùng	Gói	5,00	-	- Động năng lượng: 0,1 ~1,5J - Tần số: 4MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 130mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥240.000 shots - Tương thích với máy Lifttera A Chỉ từ tiêu kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ có gai dọc theo thân chỉ, giúp bám vào vùng da cần điều trị và nâng vùng da lên, giảm chảy xệ. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 100mm, chiều dài chỉ 200mm. Size kim 18G. Đóng gói dùng 20 sợi/gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản chắc và nâng cơ Công dụng kéo để nâng đỡ và kéo vùng da chảy xệ Xóa rãnh mũi, má và miệng bị do bị lão hóa do tuổi tác. Cổ định và điều chỉnh gương mặt không cần đối. Kim đầu tù giảm tối đa tổn thương thành mạch máu. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	10.626.000,00	53.130.000,00	-
899	G10.146	Chỉ làm đầy hõm mắt và cải thiện	Gói	5,00	-	- Động năng lượng: 0,1 ~1,5J - Tần số: 4MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 130mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥240.000 shots - Tương thích với máy Lifttera A Chỉ từ tiêu kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ PDO ngắn, trơn, kim nhọn. Làm đầy hõm mắt, làm đầy rãnh khe mi, kích thích mọc tóc Chất liệu chỉ: - Polydioxanone (PDO) Kích thước chỉ 7-0 chiều dài kim 12mm, chiều dài chỉ 10mm. Size kim 31G. Đóng gói dùng 25 sợi/gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 6 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản chắc và nâng cơ. Công dụng chuyển đổi làm đầy hõm mắt, làm đầy rãnh khe mi, kích thích mọc tóc. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	3.657.500,00	18.287.500,00	-
900	G10.147	Chỉ đan dưới da, trẻ hóa tăng sinh	Gói	5,00	-	- Động năng lượng: 0,1 ~1,5J - Tần số: 4MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 130mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥240.000 shots - Tương thích với máy Lifttera A Chỉ từ tiêu kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ đơn giản đầu kim nhọn. Dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hãm, trán. Khóa chốt các loại chỉ gai. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 40mm, chiều dài chỉ 60mm. Size kim 29G. Đóng gói dùng 25 sợi/gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản chắc và nâng cơ Công dụng dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hãm, trán. Khóa chốt các loại chỉ gai. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	4.427.500,00	22.137.500,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thanh toán (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
901	G10.151	Chỉ da dưới da, trẻ hóa, săn chắc	Goi	5,00	-	Chỉ từ tiêu kẽm kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ được xoắn quanh kim như ốc xoắn. Dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hàm, trán. Khoa chỉ có các loại chỉ gai. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 60mm, chiều dài chỉ 90mm. Size kim 27G. Đông gói dạng 25 sợi/ gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiệt khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen săn chắc và nâng cơ. Công dụng chuyên dùng nâng nâng sống mũi. Kim đầu tù giảm tối đa tổn thương thành mạch máu. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	5.775.000,00	28.875.000,00	-
902	G10.152	Chỉ da dưới da, xóa nhăn vùng tr	Goi	5,00	-	Chỉ từ tiêu kẽm kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ đơn giản đầu kim nhọn. Dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hàm, trán. Khoa chỉ có các loại chỉ gai. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 50mm, chiều dài chỉ 40mm. Size kim 29G. Đông gói dạng 25 sợi/ gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiệt khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen săn chắc và nâng cơ. Công dụng chuyên dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hàm, trán. Khoa chỉ có các loại chỉ gai. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	4.427.500,00	22.137.500,00	-
903	G10.172	Chất làm đầy da Apriline Forte	Hộp	22,00	6,00	- - Thành phần: Highly cross-linked sodium hyaluronate 23 mg/ml. Phosphate buffer pH 6,8-7,4 q.s., sodium chloride - Kim: 27G - Độ nhớt đóng: 1.000.000 mPa.s - Độ sâu khi tiêm: Lớp hạ bì sâu, mô dưới da, sát xương... theo chỉ định của bác sĩ. - Hiệu quả duy trì: 12 - 18 tháng. - Thành phần: Cross-linked sodium hyaluronate 23 mg/ml, Phosphate buffer pH 6,8-7,4 q.s., sodium chloride - Kim: 27G - Độ nhớt đóng: 500.000 mPa.s - Độ sâu khi tiêm: Lớp trung bì hoặc hạ bì sâu... tùy theo chỉ định của bác sĩ. - Hiệu quả duy trì: 10 - 12 tháng.	OECD	Thiết bị y tế	2.600.000,00	57.200.000,00	15.600.000
904	G10.173	Chất làm đầy da Apriline Normal	Hộp	29,00	8,00	-	OECD	Thiết bị y tế	2.300.000,00	66.700.000,00	18.400.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
905	G10.174	Tay dao plasma sử dụng khí heli	Cái	132,00	39,00	- Sử dụng một lần được thiết kế để sử dụng cùng với dao mổ điện cao tần tương thích - Lưỡi dao có thể được mở rộng tối đa 10mm tính từ đầu xa của trục. Tay cầm có 2 nút - một để kích hoạt năng lượng plasma và một để kích hoạt năng lượng Cool-Coag. - Mỗi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10 - 40 độ C + Độ ẩm: 30 - 75% không ngưng tụ - Tỷ lệ dòng khí gas: + Tối thiểu: 1,0 L/phút + Tối đa: 5,0 L/phút - Mỗi trường lưu trữ: + Nhiệt độ: 10 - 30 độ C + Độ ẩm: 10 - 75% không ngưng tụ - Có kèm miếng dán điện cực trung tính - Đầu tròn giảm thiểu lực chấn và cùn tác động vào mô - Đường kính trục nhỏ hơn 40% (3mm so với 5mm) cho phép một vết rạch nhỏ hơn và giảm mô chấn thương trong quá trình sử dụng - Tay cầm bọc cao su có đường viền - Hai công phát năng lượng - Sử dụng 1 lần - Có kèm miếng dán điện cực trung tính - Sử dụng với dao mổ điện cao tần Renuvion.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.000.000,00	1.584.000.000,00	468.000.000
906	G10.175	Tay dao Plasma đầu tròn	Cái	330,00	99,00	- Đầu tròn giảm thiểu lực chấn và cùn tác động vào mô - Đường kính trục nhỏ hơn 40% (3mm so với 5mm) cho phép một vết rạch nhỏ hơn và giảm mô chấn thương trong quá trình sử dụng - Tay cầm bọc cao su có đường viền - Hai công phát năng lượng - Sử dụng 1 lần - Có kèm miếng dán điện cực trung tính - Sử dụng với dao mổ điện cao tần Renuvion.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.000.000,00	3.960.000.000,00	1.188.000.000
907	G10.176	Tấm độn sinh học cỡ 5x8cm	Tấm	4,00	-	- Tấm độn sinh học - Độ dày: 4,0-5,0 mm, Chiều rộng x dài: 5 x 8 cm - Thành phần cấu tạo từ mô cơ thể sống, có độ tương thích cao, cấu trúc 3D của ma trận ngoại bào ở lớp hạ bì, mật độ collagen cao. Có chức năng tái tạo mô mềm với tính chất vật lý vượt trội (Lực kéo, độ đàn hồi). - Có khả năng tương thích tự nhiên, vĩnh viễn với cơ thể người. Sau 6 tháng, tấm độn gắn chặt vào thân của dương vật, là khung để các tế bào sống phát triển từ đó trở thành một phần mô của cơ thể con người. - Tăng kích thước dương vật bằng tấm độn giúp mang lại kết quả thẩm mỹ, độ bền cũng như độ dày đàn, cân đối ở dương vật cao hơn hẳn so với các phương pháp khác. - Tăng kích thước dương vật bằng tấm độn được chứng minh là phương pháp an toàn và ít bị biến chứng thấp.	OECD	Thiết bị y tế	41.000.000,00	164.000.000,00	-
908	G10.177	Tấm độn sinh học cỡ 5x6cm	Tấm	8,00	-	- Tấm độn sinh học - Độ dày: 3,5-4,0 mm, Chiều rộng x dài: 5 x 6 cm - Thành phần cấu tạo từ mô cơ thể sống, có độ tương thích cao, cấu trúc 3D của ma trận ngoại bào ở lớp hạ bì, mật độ collagen cao. Có chức năng tái tạo mô mềm với tính chất vật lý vượt trội (Lực kéo, độ đàn hồi). - Có khả năng tương thích tự nhiên, vĩnh viễn với cơ thể người. Sau 6 tháng, tấm độn gắn chặt vào thân của dương vật, là khung để các tế bào sống phát triển từ đó trở thành một phần mô của cơ thể con người. - Tăng kích thước dương vật bằng tấm độn giúp mang lại kết quả thẩm mỹ, độ bền cũng như độ dày đàn, cân đối ở dương vật cao hơn hẳn so với các phương pháp khác. - Tăng kích thước dương vật bằng tấm độn được chứng minh là phương pháp an toàn và ít bị biến chứng thấp.	OECD	Thiết bị y tế	38.000.000,00	304.000.000,00	-
909	G10.181	Chất làm đầy da điều chỉnh thể tích	Hộp	44,00	-	- Chất làm đầy da vùng mặt để làm tăng thể tích của mô mất, điều chỉnh thể tích của mắt, má và cằm. - Tuy thuốc vào vùng cần điều trị và sự hỗ trợ mô, nên tiêm sản phẩm vào vùng trên màng xương hoặc mô dưới da - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml Lidocain (hydrochlorid) 3mg/ml. Dung dịch muối dền phosphat vữa dũ. - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định không có nguồn gốc động vật - Đóng gói trong ống tiêm bằng thủy tinh - Kim bằng thép không gỉ - thành mỏng, cỡ kim 27G - Vô khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	5.103.000,00	224.532.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kê hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
910	G10.1	Túi đất ngược loại gel, hình tròn, b	Chiếc	172,00	50,00	- Túi đất ngược hình tròn bề mặt trơn - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: 2 lớp methyl dẻo, dài dài hai bao về túi nặng ngược và 1 lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần từ silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. - Thể tích: 125cc, 150cc, 175cc, 200cc, 225cc, 250cc, 275cc, 300cc, 325cc, 350cc, 375cc. - Độ nhớt trung bình, độ nhớt cao - Tiết kiệm	G7	Thiết bị y tế	7.785.855,00	1.339.167.060,00	389.292.750
911	G10.2	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép m	Chiếc	55,00	-	Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép mắt), kích thước: Độ dày: từ 4 đến 8 mm Chiều dài: từ 51 đến 59,5 mm Chiều ngang: từ 9,3 đến 10,9 mm	OECD	Thiết bị y tế	882.000,00	48.510.000,00	-
912	G10.3	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép c	Chiếc	29,00	8,00	Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép mắt), kích thước: Độ dày: từ 4 đến 7,5 mm Chiều dài: từ 36 đến 37,5 mm Chiều ngang: từ 14 đến 15 mm	OECD	Thiết bị y tế	1.827.000,00	52.983.000,00	14.616.000
913	G10.4	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép c	Chiếc	33,00	9,00	Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép mắt), kích thước: Độ dày: từ 8 đến 8,5 mm Độ dày: từ 49,5 đến 58 mm Chiều dài: từ 49,5 đến 58 mm Chiều ngang: từ 12,5 đến 13,5 mm	OECD	Thiết bị y tế	2.415.000,00	79.695.000,00	21.735.000
914	G10.6	Vật liệu cấy ghép mắt bằng ePTE	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mắt bằng ePTE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene 1. PUREFORM: Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3 D phù hợp với từng vị trí cấy phẫu thuật thẩm mỹ. 2. SFAM: Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp. Kích thước: cỡ 50x10x86mm	G7	Thiết bị y tế	4.662.000,00	83.916.000,00	23.310.000
915	G10.7	Vật liệu cấy ghép mắt bằng ePTE	Chiếc	33,00	9,00	Vật liệu cấy ghép mắt bằng ePTE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene 1. PUREFORM: Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3 D phù hợp với từng vị trí cấy phẫu thuật thẩm mỹ. 2. SFAM: Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp. Kích thước: cỡ 60x11x9x7mm	G7	Thiết bị y tế	5.859.000,00	193.347.000,00	52.731.000
916	G10.10	Vật liệu cấy ghép mắt bằng polyet	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mắt bằng polyethylene xốp kích thước: 30x9x1,1mm	G7	Thiết bị y tế	3.612.000,00	65.016.000,00	18.060.000
917	G10.11	Vật liệu cấy ghép mắt bằng polyet	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mắt bằng polyethylene xốp kích thước: 38x50x0,85mm	G7	Thiết bị y tế	13.503.000,00	243.054.000,00	67.615.000
918	G10.12	Vật liệu cấy ghép mắt bằng polyet	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mắt bằng polyethylene xốp kích thước: 50x70x0,85mm	G7	Thiết bị y tế	24.003.000,00	432.054.000,00	120.015.000
919	G10.13	Túi đất ngược nano	Chiếc	36,00	10,00	2. Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố. 3. Kích thước: - Đường kính: 10,25 đến 12,5cm - Độ nhớt: 3,7 đến 4,8cm - Thể tích: 245 đến 380cc 1. Gói lắp đầy	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.203.000,00	259.308.000,00	72.030.000
920	G10.14	Túi đất ngược nano chip	Chiếc	36,00	10,00	2. Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố. 3. Thiết bị nhận dạng đơn nhất 4. Kích thước: - Đường kính: 10,25 đến 12,5cm - Độ nhớt: 3,6 đến 4,8cm - Thể tích: 230 đến 375cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.303.000,00	334.908.000,00	93.030.000

STT	Mã mời thầu	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
921	G10.15	Túi độn ngực thông thường	Chiếc	880,00	264,00	1. Gel lấp đầy 2. Lớp sắc tố sử dụng để nhân biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố, tăng cường độ an toàn cho sản phẩm 3. Thiết bị nhân dạng đơn nhất 4. Kích thước: - Đường kính: 9 đến 13,5cm - Độ nhỏ: 2,6 đến 5cm - Thể tích: 145 đến 475cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	11.718.000,00	10.311.840.000,00	3.093.552.000
922	G10.16	Túi độn mỏng	Chiếc	53,00	15,00	1. Gel lấp đầy 2. Lớp sắc tố sử dụng để nhân biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố, tăng cường độ an toàn cho sản phẩm 3. Thiết bị nhân dạng đơn nhất 4. Kích thước: - Đường kính: 9,4 đến 10,2cm - Độ nhỏ: 3 đến 4,5cm - Thể tích: 235 đến 465cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	13.209.000,00	700.077.000,00	198.135.000
923	G10.19	Chất làm đầy với Lidocaine 1ml	Hộp	75,00	22,00	Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml Lidocaine (hydrochlorid) 3mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ. - Kích cỡ kim 34G - Chiều dài kim 4mm - Đường kính ngoài 0,19mm - 0,21mm - Đường kính trong 0,1mm - Kim được làm từ thép không gỉ STS 304L và được phủ silicon - Tay cầm và ống đựng kim: chất liệu Polypropylene homo polymer	OECD	Thiết bị y tế	4.179.000,00	313.425.000,00	91.938.000
924	G10.84	Kim y tế dùng trong thẩm mỹ cỡ 3	Cây	1.100,00	300,00	- Đường kính ngoài 0,19mm - 0,21mm - Đường kính trong 0,1mm - Kim được làm từ thép không gỉ STS 304L và được phủ silicon - Tay cầm và ống đựng kim: chất liệu Polypropylene homo polymer	OECD	Thiết bị y tế	24.500,00	26.950.000,00	7.350.000
925	G10.88	Túi độn ngực dáng tròn, bề mặt	Chiếc	278,00	82,00	Túi độn ngực hình tròn bề mặt trơn - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: lớp Methyl (bên trong) mang lại cấu trúc toàn vẹn, lớp Phenyl ở giữa ký nước cân trở lại khuếch tán Gel, lớp Methyl (bên ngoài) cùng có cấu trúc toàn vẹn. - Gel Silicone kết dính nằm trong một lớp vỏ siêu mỏng - Thể tích: 130cc, 160cc, 190cc, 215cc, 240cc, 270cc, 295cc, 325cc, 350cc, 370cc, 405cc, 150cc, 180cc, 200cc, 235cc, 260cc, 285cc, 335cc, 355cc, 380cc, 415cc - Độ nhỏ trung bình, độ nhỏ cao - Tiết khuẩn	G7	Thiết bị y tế	13.482.000,00	3.747.996.000,00	1.105.524.000
926	G10.178	Túi độn ngực hình giọt nước, độ n	Chiếc	5,00	-	Túi độn ngực hình giọt nước bề mặt nhám - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: hai lớp methyl dẻo, dai đàn hồi bao vệ túi năng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. Công nghệ vô nhiễm độc quyền SIL-TEX. Dạng túi có độ đặc tự nhiên, độ đàn hồi về cực dưới tạo dáng ngực 45-55. Gel silicone kết dính độ III tạo ra cảm giác săn chắc, trẻ trung. - Thể tích: 270cc - Chiều cao lớn, độ nhỏ Trung bình - Tiết khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	10.403.400,00	52.017.000,00	-
927	G10.179	Túi độn ngực hình giọt nước, độ n	Chiếc	22,00	6,00	Túi độn ngực hình giọt nước bề mặt nhám - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: hai lớp methyl dẻo, dai đàn hồi bao vệ túi năng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. Công nghệ vô nhiễm độc quyền SIL-TEX. Dạng túi có độ đặc tự nhiên, độ đàn hồi về cực dưới tạo dáng ngực 45-55. Gel silicone kết dính độ III tạo ra cảm giác săn chắc, trẻ trung. - Chiều cao trung bình/lon, độ nhỏ cao. Thể tích: 260cc, 300cc, 330cc - Chiều cao trung bình, độ nhỏ trung bình. Thể tích: 255cc, 295cc, 330cc - Tiết khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	11.443.950,00	251.766.900,00	68.663.700

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thanh niên (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
928	G10.180	Chất làm đầy cho vùng da trung b	Hộp	44,00	-	Chất làm đầy da vùng mặt để xoa các nếp nhăn tình vùng mặt mức độ nặng. Trên lớp giữa của trung bì - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml Lidocain (tydrochlorid) 3mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat vữa da. - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic ổn định - Đóng gói trong ống tiêm bằng thủy tinh - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ 29G - Vô khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	5.103.000,00	224.532.000,00	-
929	G10.2.1	Vật liệu Silicone dùng trong phẫu	Chiếc	132,00	39,00	Vật liệu silicone dùng trong phẫu thuật tạo hình vùng mũi, loại có chân Chất liệu silicone dùng trong y tế. Chiều dài từ 4.7mm-59mm Chiều dày từ 4.0mm-6.5mm Chiều rộng 9.0mm-11.0mm Chiều dài trụ mũi 4.0mm-6.0mm Chiều dày đầu mũi 4.0mm-6.0mm	OECD	Thiết bị y tế	650.000,00	85.800.000,00	25.150.000
930	G10.88.1	Túi nâng ngực hình tròn, bề mặt t	Chiếc	220,00	66,00	Túi nâng ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone đang gel, gồm 3 lớp: lớp methyl (bên trong) mang lại cấu trúc toàn vẹn, lớp Phenyl ở giữa kỵ nước cần từ sự khuếch tán Gel, lớp Methyl (bên ngoài) cũng có cấu trúc toàn vẹn - Gel Silicone kết dính nằm trong một lớp vỏ siêu mỏng - Thể tích: 130cc, 160cc, 190cc, 215cc, 240cc, 270cc, 295cc, 325cc, 350cc, 370cc 150cc, 180cc, 200cc, 235cc, 260cc, 285cc, 335cc, 355cc, 380cc, 415cc 130cc, 150cc, 170cc, 185cc, 210cc, 230cc, 255cc, 280cc, 310cc, 330cc, 350cc, 375cc, 400cc; - Độ nhớt trung bình cao; - Tuyệt khuẩn; - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc tương đương.	G7	Thiết bị y tế	13.482.000,00	2.966.040.000,00	889.812.000
931	G10.20	Kem có tác dụng giúp làm giảm c	Tuýp	154,00	46,00	Myrtacene, Vitamin PP, Chết xuất Sabal serrulatae, PNMA (Polymethyl methacrylate), Phức hợp các chất dưỡng ẩm, làm mềm da - Thành phần : Aqua, Ethyl ascorbic acid (vitamin C) , Alpha-Arbutin, Trecholoma mastulatae extract, Glyceriniza glabra root extract, Glyceriniza uraliensis root extract, Oligopeptide-34, Glutathione, Sodium bicarbonate, Niacinamide, Sh-poly-peptide-2 - Công dụng : Dưỡng da, giúp trắng da, giúp chống nhăn da	G7	Không phải TBVT	403.200,00	62.092.800,00	18.547.200
932	G10.36	Tinh chất làm trắng da, giảm nám	Lọ	110,00	30,00	- Thành phần bao gồm: 6. Không chất, 23 amino acid, Hyaluronic Acid, 13 loại vitamin, 3 Nucleotides. - Công dụng : Cung cấp lượng lớn dưỡng chất cho da nhờ các vi dưỡng chất cần thiết cho quá trình chuyển hóa sinh học của tế bào, phục hồi cơ chế sửa chữa tự nhiên, tăng sức đề kháng cho da.	OECD	Không phải TBVT	831.600,00	91.476.000,00	24.948.000
933	G10.37	Tinh chất dưỡng da (da nhạy cảm)	Lọ	135,00	40,00	- Thành phần bao gồm: 6. Không chất, 23 amino acid, Hyaluronic Acid, 13 loại vitamin, 3 Nucleotides. - Công dụng : Cung cấp lượng lớn dưỡng chất cho da nhờ các vi dưỡng chất cần thiết cho quá trình chuyển hóa sinh học của tế bào, phục hồi cơ chế sửa chữa tự nhiên, tăng sức đề kháng cho da.	OECD	Không phải TBVT	950.400,00	128.304.000,00	38.016.000
934	G10.38	Tinh chất dưỡng da, ngăn ngừa m	Lọ	90,00	25,00	Retinol lỏng 1,25% (vitamin A) kích thích enzyme và hoạt động phân bào trong lớp biểu bì. Dẩy nhanh phục hồi da tổn thương bởi tia UV, tiêu chuẩn vàng trong điều trị mụn. Thanh gĩa vào chuyển hóa tăng sinh collagen - cải thiện nếp nhăn - ứng dụng mới trong trẻ hóa làn da. Vitamin C (2,5%) - Niacinamide (0,5%) tăng tính giữ ẩm và hạn chế mất nước, hỗ trợ điều trị mụn trứng cá. Uic che các gốc oxy hóa - ngăn lão hóa Vitamin B1 (0,1%), B2 (0,1%), B6 (0,1%), Vitamin E (0,1%), Vitamin C: kết hợp cùng nhau sẽ có tác dụng hiệp lực, tăng kết quả điều trị.	OECD	Không phải TBVT	950.400,00	85.536.000,00	23.760.000
935	G10.40	Tinh chất dưỡng da (da lão hóa)	Lọ	110,00	30,00	Hyaluronic acid (3,5 %) Hyaluronic Acid là một acid cấu thành nên các mô liên kết có nhiệm vụ vận chuyển dưỡng chất về chỗ vào sâu bên trong da, giữ nước (khả năng giữ nước lên hơn 50 lần khối lượng), làm mềm và ngăn các dấu hiệu lão hóa bên ngoài.	OECD	Không phải TBVT	871.200,00	95.832.000,00	26.136.000
936	G10.43	Tinh chất dưỡng da, trắng da	Ông	70,00	19,00	Có chứa từ 20% Vitamin C (Sodium ascorbate), có tác dụng chống lão hóa và giải quyết các vấn đề về da như da không đều màu, da ôi màu, thâm nám, điều trị mụn,...	OECD	Không phải TBVT	247.500,00	17.325.000,00	4.702.500

STT	Mã mời thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
937	G10.45	Mật na đường da	Hộp	18,00	-	Alginate (tảo nâu) cung cấp độ ẩm sâu cho da sau khi dùng. Vì đặc tính hóa học của tảo Alginate hấp thu nước rất tốt, có thể hấp thu hơn 200 lần khối lượng phân tử của nó nên mật na tảo cung cấp độ ẩm sâu cho da sau khi dùng.	OECD	Không phải TBYT	6.000.000,00	108.000.000,00	-
938	G10.86	Mật na đường da (dạng bột)	Túi	53,00	15,00	Là dạng bột na bột với kết cấu lỏng sét, sau khi đắp lên mặt khoảng 20-25p, hoàn toàn có thể từ bỏ ra như một dạng mặt nạ giấy tiện lợi, không thoáng, cho da cảm giác mềm, mịn và dịu nhẹ, phục hồi da sau laser.	OECD	Không phải TBYT	1.900.000,00	100.700.000,00	28.500.000
939	G10.89	Nước cân bằng da thường và hỗn hợp hai 500ml	Chai	33,00	9,00	Thành phần: Aqua, Hamamelis Virginiana (Witch Hazel) Leaf Water, Propanediol, Polyglyceryl-4 Caprate, Polyglyceryl-6 Caprylate, Niacinamide, Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Extract	G7	Không phải TBYT	1.360.000,00	44.880.000,00	12.240.000
940	G10.90	Sữa rửa mặt da thường và hỗn hợp hai 500ml	Chai	31,00	9,00	Thành phần: Aqua, Coco-Glucoside, Caprylyl/Capryl Glucoside, Glycerin, Butylene Glycol, Dipropylene Glycol, Hydroxyethylcellulose, Enantia Chlorantha Bark Extract, Niacinamide	G7	Không phải TBYT	1.500.000,00	46.500.000,00	13.500.000
941	G10.92	Mật na giảm mụn và se khít lỗ chân lông 250ml	Chai	29,00	8,00	Thành phần: Bentonite, Citric Acid, Zinc PCA, Menthol	G7	Không phải TBYT	1.200.000,00	34.800.000,00	9.600.000
942	G10.93	Kem dạng hạt làm sạch tế bào sữa 250ml	Chai	16,00	4,00	Thành phần: Aqua, Bambusa Arundinacea Stem Powder, Sweet Almond Oil, Jojoba Seed Oil, Glycerin, Decyl Cocoate, Betaine, Beta Vulgaris (Beet) Root Extract	G7	Không phải TBYT	1.680.000,00	26.880.000,00	6.720.000
943	G10.94	Tinh chất làm dịu phục hồi da	Chai	40,00	11,00	Thành phần: Azulene, Chiết xuất lá lô hội, natri hyaluronat, betaine, Hyaluronic Acid, ... Công dụng: Làm dịu da, Dưỡng ẩm cho làn da mịn màng và mềm mượt. Giảm mụn do chấy ngứa, da kích ứng, ... Kháng viêm, kháng khuẩn, tránh bội nhiễm cho da. Sử dụng trong và sau các liệu trình công nghệ cao.	OECD	Không phải TBYT	2.850.000,00	114.000.000,00	31.350.000
944	G10.95	Kem massage tăng sinh tế bào	Hũ	89,00	2,00	Mềm, trơn, ẩm và khả năng lướt trên da, kết hợp đồng tác massage tác động trực tiếp đến các mô, kích thích tăng sinh và tái tạo collagen, elastin, tăng cường tuần hoàn máu, tăng sức sống và trắng sáng cho làn da	OECD	Không phải TBYT	890.000,00	79.210.000,00	1.780.000
945	G10.127	Kem chống nắng SPF50 PA+++	Tuýp	99,00	29,00	Thành phần: Acetylhexa Peptide, Portulaca, Oleracea Extract, Hazel Witch Extract, Centella Asiatica Extract - Thành phần: Water, Cyclopentasiloxane, Ethylhexyl Methoxycinnamate, Propylene Glycol, Ethylhexyl Salicylate, Zinc Oxide, Titanium Dioxide, Poly(C6-14 Olefin), Isoamyl p-Methoxycinnamate, ... - Chỉ số bảo vệ da khỏi tia UVB: SPF50 hoặc tốt hơn. - Chỉ số bảo vệ da khỏi tia UVA: PA+++ hoặc tốt hơn. - Quy cách: 50ml hoặc 50g/tuýp.	OECD	Không phải TBYT	830.000,00	82.170.000,00	24.070.000
946	G10.128	Kem dưỡng ẩm hỗ trợ tái tạo da	Hũ	22,00	6,00	- Thành phần: Water, Mineral Oil, Glycerin, Dimethicone, Propylene Glycol, 1,2-Hexanediol, Cetearyl Alcohol, Glycerol Stearate, PEG-100 Stearate, Sorbitan Sesquilelate, Poterium Officinale Root Extract, Schizophyllum Commune/Aspangus Cochinchinensis Root/Soybean Germ Ferment Filtrate Extract, Cyperus Rotundus Root Extract, ... - Công dụng: Kem giúp da mềm mịn, giúp dưỡng ẩm da, hỗ trợ tái tạo da. - Quy cách: 50ml hoặc 500g/hũ.	OECD	Không phải TBYT	890.000,00	19.580.000,00	5.340.000
947	G10.129	Gel dưỡng ẩm làm dịu da	Chai	33,00	9,00	-Thành phần: Aqua, Glycerin, Butylene Glycol, Niacinamide, BIS-PEG-12 Dimethicone, Panthenthol, Ptenoxysethanol, SodiumHyluronate, Allantoin, Hydrolyzed Hyaluronic Acid, EthylhexylGlycerin, ... -Công dụng: Điện di làm dịu, cấp ẩm tức thì sau các liệu pháp xâm lấn da như: Laser, meso, ... - Dung bao chế: Gel.	OECD	Không phải TBYT	4.290.000,00	141.570.000,00	38.610.000
948	G11.11	Dung dịch đệm PBS	ml	53.000,00	15.500,00	- Là dung dịch muối cân bằng được sử dụng cho nhiều ứng dụng nuôi cấy tế bào - Không chứa: Calcium, Magnesium, Phenol Red, Sodium Pyruvate. - Độ pH 7.3 - 7.5. - Nồng độ: ≤ 1X	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.407,00	127.571.000,00	37.308.500

STT	Mã mới đầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
949	G11.3	Dung dịch Colemid	ml	1.320,00	390,00	- Là dung dịch N-dessecyl-N-methylcolchicine 10 µg/ml, được tạo thành trong Dung dịch muối cân bằng của Hanks (HHSS) - Cơ chế hoạt động tương tự như colchicine nhưng có độc tính thấp hơn đối với dòng vật có vú - Loại vô trùng - Độ thẩm thấu: 275 - 310 mOsm/kg - Ph 7.5	G7	Thiết bị y tế	131.400,00	173.448.000,00	51.246.000
950	G11.94	Kit tách chiết DNA	Test	1.000,00	-	- Kit tách DNA từ nhiều loại mẫu khác nhau - Loại mẫu chính: máu, vi khuẩn, thực vật, tế bào động vật - Màng: glass microfiber - Lượng DNA bào trên cột: 20 µg DNA/cột - Bao gồm lysiszyme để tách vi khuẩn Gram dương - Thành phần: buffer GDI, GDI2, PPB, GB, WB Buffer, Proteinase K, Lyszyme, Help B, RNase A, DNA Hydration Solution, Spin column/collection tube	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	49.980,00	49.980.000,00	-
951	G11.101	Kit xét nghiệm phân mảnh DNA ở tinh trùng	Test	1.170,00	350,00	- Thành phần: lam kính, thanh, dung dịch biến tính, dung dịch ly dãi, tam nhũ - Hiện thì kết quả bằng chỉ số SDF (Sperm DNA Fragmentation)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.386.000,00	1.621.620.000,00	485.100.000
952	G11.289	Kit xét nghiệm đột biến vi mất đoạn AZF bằng kỹ thuật realtime pcr	Test	720,00	216,00	- Sử dụng phương pháp Realtime PCR để phát hiện trình tự DNA đích. - Kit phát hiện mất 13 mã đoạn nhỏ AZF gây thiếu tinh, vô tính ở nam giới, chứa oligonucleotide có khả năng phát hiện sự mất đoạn nhiễm sắc thể Y có liên quan đến vô tính trung (SY84, sY127, sY134, sY142, sY242, sY254, sY255, sY615, sY1125, sY1197, sY1206 và sY1291) - Phát hiện protein vùng gen xác định giới tính SRY	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	508.000,00	365.760.000,00	109.728.000
953	G11.171	Chai nuôi cấy tế bào 225cm ² , nắp vent	Cái	925,00	275,00	- Diện tích tế bào phát triển 225cm² - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: hình chữ nhật - Kiểu nắp: thông khí, được sản xuất bằng Polyethylene - Kích thước: + Chai dài có nắp 20 - 25 cm + Chiều rộng: 13 - 15 cm - Chiều cao (độ sâu của bình): 4 - 5 cm - Thể tích trung bình: 45 - 67,5 mL - Non-Pyrogenic	G7	Thiết bị y tế	196.000,00	181.300.000,00	53.900.000
954	G11.284	Dung dịch tư lãng (HES 600) dùng trong quy trình thu nhận tế bào gốc tạo máu	ml	24.000,00	7.000,00	• Thành phần: 6g/dl Hydroxethyl Starch (HES) 600 trong 0,9g/dl NaCl, WFI • Tổng lượng phân tử trung bình của HES: khoảng 600 kDa. • Vô trùng, không gây sốt • Tái chính được học tương tự bào ngoài theo tiêu chuẩn phòng sạch. • Rút vô trùng qua ống tiêm hoặc ống chích. • Không yêu cầu cầu tạt không khí để rút chất lỏng.	G7	Thiết bị y tế	12.450,00	298.800.000,00	87.150.000
955	G11.286	Dụng cụ lấy mẫu máu	Cái	1.850,00	550,00	- Dụng cụ bằng nhựa được tiệt trùng - Dùng để lấy mẫu máu từ tử máu	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	80.000,00	148.000.000,00	44.000.000
956	G11.379	Hóa chất kiểm chuẩn tế bào gốc	hộp	7,00	2,00	- Sử dụng để kiểm soát chất lượng này, theo dõi, kiểm tra hoạt động của này trước khi thực hiện đến tế bào gốc. - Thành phần: kiểm soát bào gồm các tế bào bạch cầu, hồng cầu và các tế bào màu ngoại vi CD34+ trong môi trường bảo quản. - Tủ máu rộng vô trùng dùng một lần và được sử dụng để thu thập, điều chế và lưu trữ các thành phần máu. - Có dây truyền dài ≥ 500mm, có 6 đoạn mã - Thể tích 300ml	G7	Thiết bị y tế	21.222.300,00	148.556.100,00	42.444.600
957	G11.391	Túi máu 300ml	cái	250,00	-	- Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide hoặc tương đương + Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu GAPD dùng cho sàng lọc sơ sinh; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm; + Sử dụng với hệ thống thiết bị ban tự động; + Giới hạn phát hiện (LoD) = 0.4 U/g Hb; + Độ đặc hiệu phân tích nồng độ hemoglobin thử nghiệm ≤ 250 g/L không gây nhiễu đến xét nghiệm; + Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 7.8 U/g Hb; + Áp dụng kỹ thuật tuynh quang.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	56.400,00	14.100.000,00	-
958	G11.404	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh thiếu men G6PD	test	22.080,00	5.760,00		Không yêu cầu	Thiết bị y tế	33.877,00	748.004.160,00	195.131.520

STT	Mã mới thầu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
959	G11.405	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh suy giáp trạng bẩm sinh	test	22.080,00	5.760,00	+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu TSH dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp sử dụng cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang; + Độ nhạy $\leq 2 \mu\text{U/mL}$ máu; + Nồng độ triglycerides $\leq 5000 \text{ mg/L}$ và bilirubin $\leq 20 \text{ mg/dL}$ có trong mẫu không gây nhiễu tới phép đo HTSH	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	45.381,00	1.002.012.480,00	261.394.560
960	G11.406	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh Tăng sản thượng thận bẩm sinh	test	22.080,00	5.760,00	+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu 17 α -OHP dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp sử dụng cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Độ nhạy: Giới hạn màu trắng (LoB) $\leq 0.41 \text{ ng/mL}$ huyết thanh khi sử dụng quy trình ủ 3h và $\leq 0.46 \text{ ng/mL}$ khi dùng quy trình ủ qua đêm + Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	44.454,00	981.544.320,00	256.055.040
961	G11.407	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh Galactosemia	test	7.500,00	-	+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu GALT dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 bộ gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; + Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin trong khoảng 120 - 194 g/L không ảnh hưởng đến phép đo hoạt độ của GALT; + Khoảng tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 11 U/g Hb;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	41.042,00	307.815.000,00	-
962	G11.408	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh Phenylketon niệu	test	7.500,00	-	+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Phenylalanine dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 bộ gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; + Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin $\geq 150 \text{ g/L}$ tới $\leq 200 \text{ g/L}$ không gây nhiễu tới xét nghiệm Neonatal Phenylalanine; + Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 908 $\mu\text{mol/L}$ (15 mg/dL);	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.108,00	278.310.000,00	-
963	G11.409	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh xơ nang	test	7.500,00	-	+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu IRT dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang; + Giới hạn màu trắng (LoB) = 0.43 ng/mL máu; + Khoảng tuyến tính có giá trị từ 15 ng/mL tới 620 ng/mL máu	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	81.079,00	608.092.500,00	-
964	G11.410	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh thiếu men Biotinidase	test	7.500,00	-	+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Biotinidase dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; + Giới hạn màu trắng (LoB) = 12 U; Giới hạn phát hiện (LoD) = 16 U; + Độ đặc hiệu: Nồng độ hemoglobin 200 mg/dL không gây nhiễu tới xét nghiệm; + Khoảng tuyến tính có giá trị từ 16 U tới 390 U;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	47.522,00	356.415.000,00	-
965	G11.412	Giấy thấm mẫu máu khô chuyên dùng	Tờ	13.200,00	3.900,00	- Sử dụng thấm mẫu máu khô tiêu chuẩn dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Chất liệu: Cotton; - Sử dụng thành mã vạch.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	19.950,00	263.340.000,00	77.805.000
966	G11.413	Kim chọc máu	cái	13.200,00	3.800,00	- Lancet lấy máu gót chân. - Kim vô trùng - Kích thước 2mm x 17G.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	8.400,00	110.880.000,00	31.920.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
967	GI1.419	Hóa chất realtime PCR cho phát hiện các tác nhân gây bệnh đường sinh dục	test	200,00	-	- Kit phát hiện 12 tác nhân nguy cơ cao lây bệnh đường sinh dục gồm: <i>Neisseria gonorrhea</i>, <i>Chlamydia trachomatis</i>, <i>Ureaplasma urealyticum</i>, <i>Mycoplasma genitalium</i>, <i>Treponema pallidum</i>, <i>Ureaplasma parvum</i>, <i>Mycoplasma hominis</i>, <i>Treponomas vaginalis</i>, <i>Candida albicans</i>, <i>Gardnerella vaginalis</i>, <i>Herpes Simplex Virus 1</i>, <i>Herpes Simplex Virus 2</i> - Công nghệ: Multiplex Real-time PCR sử dụng Taqman Probe - LoD: 0.5-5 copies/ul - Độ nhạy: 96,44% - 100% - Độ đặc hiệu: 98,20% - 100% - Có hệ thống chống ngoại nhiễm Uicel-DNA Glycosylase(UDG)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	362.250,00	72.450.000,00	-
968	GI1.392	Ông 0,2ml thân trong	cái	5.000,00	1.500,00	- Ông đơn PCR 0,2 ml, chất liệu PP, có tấm chắn chống nhiễm bẩn, nắp phẳng, thích hợp cho qPCR - Thể tích làm việc: 10 ul-0,2 ml - Tốc độ ly tâm tối đa: 8000xg - Nhiệt độ ly tâm: 22 độ C - Có thể hấp tiệt trùng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.695,00	13.475.000,00	4.042.500
969	GI1.388	Kit tách mẫu DNA tự động cho mẫu HBV	Test	384,00	-	- Bộ kit cung cấp giải pháp tách chiết DNA tự động bằng cách sử dụng hạt bead phủ silicon dioxide có khả năng hấp thụ phần tử mang điện tích âm để tách chiết DNA ra khỏi mẫu. - Công suất: 32 mẫu/lần chạy - Thành phần: 96 Ông thuốc thử 6 giếng với buffer, 2 giếng 8 ống base, 20ml Elution Buffer chứa Nuclease-Free Water, 1ml Proteinase K nồng độ 20 mg/ml được bao quanh ở 4°C 24 Strip 8 kênh... - Thiết bị tương thích: SL-A-16/32, SL-A-E112 Series	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	90.000,00	34.560.000,00	-
970	GI1.133	Ông ly tâm 1,5 ml	chiếc	4.000,00	1.000,00	- Vật liệu PP - RCF : 30000xg - Chiều dài 38 - 43mm, đường kính ống 10 - 15mm, Hàm lượng nôi độc tố nhỏ hơn < 0,1EU - Không pyrogenic, không có DNase / RNase - Dung tích sử dụng: 1,5ml - Thể tích: 15ml - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước: đường kính 17-18 mm, chiều dài 118-120 mm - Lực ly tâm tối đa: 12.000 xg - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Kiểu nắp: nắp phẳng, đường kính 22-23 mm - Kiểu đáy ngoài: hình nón, không tự động, đã tiệt trùng - Kiểu đáy bên trong: hình nón, đã tiệt trùng - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free - Đạt tiêu chuẩn ISO	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	500,00	2.000.000,00	500.000
971	GI1.280	Ông fancel 15ml	Ông	34.325,00	10.275,00	- Ông cryo 0,2ml đáy nhọn - Chất liệu làm từ nhựa nguyên sinh Polypropylene - Đã tiệt trùng - Không chứa DNase/ RNase, Pyrogen. - Ông cryo 2,0ml đáy nhọn - Chất liệu làm từ nhựa nguyên sinh Polypropylene - Đã tiệt trùng - Không chứa DNase/ RNase, Pyrogen.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	5.000,00	171.625.000,00	51.375.000
972	GI1.444	Ông 0,2 mL PCK nắp phẳng, vỏ trung	Cái	2.000,00	-	- Ông cryo 0,2ml đáy nhọn - Chất liệu làm từ nhựa nguyên sinh Polypropylene - Đã tiệt trùng - Không chứa DNase/ RNase, Pyrogen.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	491,00	982.000,00	-
973	GI1.445	Ông ly tâm tiệt trùng 2ml	cái	3.500,00	-	- Ông cryo 2,0ml đáy nhọn - Chất liệu làm từ nhựa nguyên sinh Polypropylene - Đã tiệt trùng - Không chứa DNase/ RNase, Pyrogen.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	14.820,00	51.870.000,00	-
974	GI1.446	Hóa chất dùng cho sàng lọc các bệnh rối loạn chuyển hóa di truyền	Test	21.120,00	5.760,00	- Hóa chất dùng cho sàng lọc các bệnh rối loạn chuyển hóa axit amin, axit béo, axit hữu cơ, purine và peroxisome - Bộ kit có khả năng định lượng 57 chất phân tích: 14 amino acid, 36 carnitin, 2 nucleoside succinylacetone và 4 lysophosphatidylcholine trong cùng một xét nghiệm - 01 kit gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm. - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dùng. - Sử dụng với hệ thông khởi phổ kép MSMS	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	448.611,00	9.474.664.320,00	2.583.999.360

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
975	G11.447	Hóa chất sàng lọc các bệnh rối loạn đư từ Lysosome (LSD)	Test	7.680,00	-	- Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: các bệnh rối loạn đư trừ Lysosome (LSD); - Hóa chất xét nghiệm định lượng hoạt độ các enzyme Acid-β- glucocerebrosidase (ABG), acid-sphingomyelinase (ASM), acid-α glucosidase (GAA), β-Galactocerebrosidase (GALC), α - galactosidase A (GAL) và α - L-iduronidase (IDUA) trong sàng lọc hội chứng rối loạn đư từ Lysosome (LSD) ở trẻ sơ sinh; - 01 hộp gồm chất chuẩn, dung môi và dung dịch chiết cho 960 xét nghiệm; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống sắc ký khối phổ MS/MS. Bộ kit dùng để tách chiết RNA tự động. Công suất: ≤ 40 phút/ lần chạy Thành phần: 96 Ống thuốc thử 6 giếng với buffer, 2 giá 8 ống base, 1.5ml Elution Buffer chứa Nuclease-Free Water, 1ml Proteinase K nồng độ 20 mg/ml được bao quanh ở 4°C Thiết bị tương thích: SLA-16/32, SLA-E132 Series - Loại huyết thanh: tiêu chuẩn - Đã được kiểm tra virus và mycoplasma - Nồng độ endotoxin ≤ 10EU/mL - Nồng độ hemoglobin ≤ 25mg/dL - Lọc 3 lần 0.1μm - Là một môi trường với Huyết thanh bào thai (FBS), L-glutamine và phytohemagglutinin (PHA), giúp cho sự phát triển các tế bào lympho máu ngoại vi trong nuôi cấy ngắn hạn, phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào. - Nồng độ huyết thanh: Mức tiêu chuẩn. - Diện tích tế bào phát triển 175cm2 - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: chữ U (dễ cầm nắm và dễ tiếp cận hơn khi thao hoặc vận chất nắp) - Kiểu nắp: thông khí chưa màng chống thấm nước (kỵ nước) dày 0,2μm, được sản xuất bằng Polyethylene - Kích thước: + Chai dài không có nắp: 18 -20 cm + Chiều rộng: 10 -13 cm + Chiều cao (đổ sâu của bình): 3 - 5cm + Thể tích trung bình: 35 - 52.5 mL - Tệt trùng - Non-Pyrogenic - Không gây độc hại theo tiêu chuẩn USP Loại VI Xác định tổng số lượng tế bào gốc máu sống đương tính đồng thời với CD45/CD34, tổng số lượng tế bào gốc CD34 cũng như phần trăm tế bào CD34 trong tổng số tế bào bạch cầu sống. Thành phần bộ kit gồm: + Thuốc thử gồm CD45 FITC, clone 2D1, và CD34 PE, clone 8G12 trong dung dịch đệm PBS bao gồm bovine serum albumin (BSA) và 0.1% sodium azide + Thuốc thử 7-aminoactinomycin-D (7-AAD) + Dung dịch ly giải amoni clorua 10X + Ống TruCOUNT Bộ test xét nghiệm tế bào cổ tử cung -Có khả năng thực hiện re-testing trên cùng một mẫu và thực hiện các test bổ sung khác mà không cần thêm mẫu. -Phương pháp tự làm bằng trong lực - 1 bộ bao gồm: + Lo dung dịch 15ml + Chổi phết tế bào âm đạo + Lam kính	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	369.133,00	2.834.941.440,00	-
976	G11.88	Bộ kit tách chiết RNA	Test	1.536,00	-		Không yêu cầu	Thiết bị y tế	90.000,00	138.240.000,00	-
977	G11.10	Huyết thanh bào thai bê	ml	2.000,00	500,00		Không yêu cầu	Thiết bị y tế	61.744,00	123.488.000,00	30.872.000
978	G11.13	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi	ml	74.000,00	22.200,00		G7	Thiết bị y tế	33.906,00	2.509.044.000,00	752.713.200
979	G11.170	Chai nuôi cấy tế bào 175cm2, nắp vent	cái	1.300,00	-		G7	Thiết bị y tế	180.700,00	234.910.000,00	-
980	G11.378	Hóa chất đếm tế bào góc	Test	550,00	150,00		G7	Thiết bị y tế	707.960,00	389.378.000,00	106.194.000
981	G11.451	Ống lấy mẫu bệnh phẩm HPV	Cái	600,00	-		Không yêu cầu	Thiết bị y tế	150.000,00	90.000.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
982	G11.453	Hóa chất định tính Hemoglobin cho mẫu sơ sinh dùng cho hệ thống phân tích Hemoglobin tự động	test	8 000,00	-	Khả năng thực hiện xét nghiệm định tính hemoglobins F, A, S, D, C, và E của mẫu tủy sơ sinh được thu trên giấy thực hiện trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Thành phần: chứa đầy đủ thành phần cho 1000 xét nghiệm bao gồm: 02 bình 2500 ml sodium phosphate buffer pH 6,5, 01 bình 2500 ml of a sodium phosphate buffer pH 6,6, 02 cột phân tích kích thước 4,6 mm ID x 30 mm, thực hiện được 500 xét nghiệm mỗi chiếc, 01 bộ định đầu vào thời gian lưu giữ gồm 05 lo FAES và 05 lo FAADC, 01 bình nước rửa 1800 ml nước khử ion, 01 bộ mẫu mới, 01 đĩa CD Vật liệu PP RCF : 30000xg. Chiều dài 43 - 48mm, đường kính ống 10 - 15mm Hàm lượng nội độc tố nhỏ hơn < 0,1EU Không pyrogenic, không có DNase / RNase Dung tích sử dụng: 2 ml Dùng để nuôi cấy tế bào thủ công Vỏ trung bằng gamma Thiết kế 10 lớp bề mặt phủ trên polystyrene liên kết với nhau Được xử lý bề mặt để gắn kết tế bào Thiết bị làm việc để xuất: 560ml.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	100.000,00	800.000.000,00	-
983	G11.456	Ông ly tâm 2ml	chiếc	3 000,00	-	Hệ thống túi mẫu dùng một lần bằng PVC, hàn liền khối. Có khả năng thu thập 250ml mẫu toàn phần - Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 để bảo quản mẫu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C ±2 độ C - Kim lấy mẫu cỡ 16G - Kích thước túi chính: cao 130 ± 5 mm, chiều rộng bên trong 120 ± 5 mm Dây lấy mẫu dài 980 ± 40mm, đường kính trong 3,0 ± 0,1mm, đường kính ngoài 4,4 ± 0,1mm (tương ứng với độ dày thành ống = (đường kính ngoài - đường kính trong)/2 là 0,7mm), có 12 đoạn mạ số, mạ số được in bằng laser. - Sục bên của túi: Túi chịu lực lý tải 5000g trong 10 phút, chịu áp lực 0,7kg/cm2 trong 10 phút, bền nhiệt độ trong khoảng -80 độ C với 37 độ C ± 2 độ C Bầu cón cỡ lọc 1000ul, đã khử trùng Độ dài 80 -90 mm Loại làm từ chất liệu polyethylene nguyên chất, kỵ nước. Có chia vạch Không chứa RNase, DNase, Pyrogen, PCR inhibitor và kim loại Dầu cón cỡ lọc 200ul, đã khử trùng Độ dài 50-60 mm Loại làm từ chất liệu polyethylene nguyên chất, kỵ nước, chứa lượng cao Có chia vạch Không chứa RNase, DNase, Pyrogen, PCR inhibitor và kim loại Bộ kit sử dụng để tách chiết nucleic acid từ động Công suất ≥32 mẫu/lần chạy Thành phần: 96 Ông thuốc thứ 6 giống với buffer 2 giá 8 ống base, 1,5 ml Elution Buffer chứa Nuclease-Free Water, 1ml Proteinase K nồng độ 20 mg/ml được bảo quản ở 4°C 24 Strip 8 kênh. Thiết bị tương thích: SLA-1632, SLA-E132 Series	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	500,00	1.500.000,00	-
984	G11.462	Chai nuôi cấy tế bào 10 tầng	Cái	96,00	-	Thiết bị y tế	4.550.000,00	436.800.000,00	-		
985	G11.470	Túi mẫu đơn 250ml	Túi	1.060,00	310,00	Thiết bị y tế	44.000,00	46.640.000,00	13.640.000		
986	G11.136	Tips 1000ul cỡ màng lọc, giảm bám dính	Cái	7 104,00	2 112,00	Không phải TBVT	2.345,00	16.658.880,00	4.952.640		
987	G11.137	Tips 200ul cỡ màng lọc, giảm bám dính	Cái	23 808,00	7 104,00	Không phải TBVT	2.573,00	61.257.984,00	18.278.592		
988	G11.389	Kit tách mẫu DNA tự động	test	1 824,00	480,00	Không phải TBVT	90.000,00	164.160.000,00	43.200.000		
989	G11.428	Đầu tip cỡ lọc 10 µl, tiết trung	Cái	12.672,00	3 744,00	Không phải TBVT	2.573,00	32.605.056,00	9.633.312		

STT	Mã mặt mẫu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
990	G11.352.1	Tips 100µl có màng lọc	Cái	3.648,00	-	- Thể tích: 100ul - Chất liệu: polypropylene - Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen, nội độc tố Endotoxin và Endotoxin ATP, chất ức chế phản ứng PCR và BioBurden - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Chiều dài: 50 - 55mm, tiết trung, độ bám dính thấp. - Màu trắng trong tự nhiên. - Được sử dụng để ngăn ngừa nhiễm vi khuẩn và nấm. - Dung dịch chứa 10,000 units/mL penicillin, 10,000 µg/mL streptomycin, và 25 µg/mL Amphotericin B - Nồng độ: ≥ 100X	G7	Không phải TBYT	2.345,00	8.554.560,00	-
991	G11.15	Dung dịch kháng sinh kháng nấm	ml	400,00	100,00	- Diện tích bề bao phát triển 25cm², có một viên chống lật để tăng cường độ ổn định. - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: hình chữ nhật - Bình cổ nghiêng cho phép rót dễ dàng hơn và cải thiện khả năng tiếp cận bình để hút hoặc cao - Kiểu nắp: thông khí (vented cap) chứa màng chống thấm nước (ky nước) dày 0,2 µm, được sản xuất bằng Polyethylene - Kích thước: + Chai dài có nắp: 9 - 10 cm + Đường kính trong cổ: 1 - 2 cm + Chiều rộng: 5 - 6 cm + Chiều cao (độ sâu của bình): 2 - 3 cm + Dung sai: +/- 0,05 in (+/- 0,127cm) - Thể tích trung bình: 5 - 7,5mL - Đã tiệt trùng. - Non-Pyrogenic.	G7	Không phải TBYT	15.000,00	6.000.000,00	1.500.000
992	G11.167	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ² , nắp vent	Cái	1.000,00	200,00	- Thể tích: 50mL - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước đường kính 27 - 30mm, chiều dài 110 - 120mm - Lực ly tâm tối đa: 17.000 xg, chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Có vạch chia thể tích (mỗi 2.5ml một vạch) - Kiểu nắp: nắp phẳng - Kiểu dây: hình nón, đã tiệt trùng - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free	Không yêu cầu	Không phải TBYT	34.460,00	34.460.000,00	6.892.000
993	G11.281	Ống fanceol 50ml	Ống	9.000,00	2.500,00	- Thể tích: 50mL - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước đường kính 27 - 30mm, chiều dài 110 - 120mm - Lực ly tâm tối đa: 17.000 xg, chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Có vạch chia thể tích (mỗi 2.5ml một vạch) - Kiểu nắp: nắp phẳng - Kiểu dây: hình nón, đã tiệt trùng - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free	Không yêu cầu	Không phải TBYT	12.350,00	111.150.000,00	30.875.000
994	G11.314	Acid acetic	ml	264.000,00	79.000,00	- Nồng độ: ≥ 99,8 % - Độ pH: 2,5 (50 g/l, H₂O, 20 °C) - Acetaldehyde: ≤ 2 ppm - Acetic anhydride: ≤ 100 ppm - Chloride (Cl): ≤ 0,4 ppm - Phosphate (PO₄): ≤ 0,4 ppm - Heavy metals (as Pb): ≤ 0,5 ppm - Sulfate (SO₄): ≤ 0,4 ppm	G7	Không phải TBYT	1.090,00	287.760.000,00	86.110.000
995	G11.57	Nước dùng cho sinh học phân tử	ml	6.000,00	-	- Nước chất lượng cao, tiệt trùng, ứng dụng trong sinh học phân tử - Không có RNase, DNase và Protease, thích hợp cho thiết lập phản ứng PCR và các phản ứng sinh học phân tử khác, tách chiết DNA/RNA/Protein, tinh chế và chất thử - Loại bỏ hoàn toàn khả năng có thể xảy ra với các phản ứng enzyme - Được lọc khử trùng qua màng lọc 0,1 µm	G7	Không phải TBYT	1.800,00	10.800.000,00	-
996	G11.232	Bộ kit tách chiết DNA tổng số từ một loạt các sinh vật bằng phương pháp cột	Test	1.000,00	-	- Mục đích sử dụng: Để tinh lọc DNA từ mẫu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, buffy coat, tế bào lympho, dịch cơ thể, tế bào nuôi cấy - Thành phần: Cột ly tâm: 50 chiếc Ống thu mẫu (2 ml) 150 chiếc Dung dịch đệm AL: 12 ml Dung dịch đệm AW1: 19 ml Dung dịch đệm AW2: 13 ml Dung dịch đệm AE: 15 ml Protease: 1 ống Dung môi hoàn nguyên Protease: 1,2 ml	G7	Không phải TBYT	113.400,00	113.400.000,00	-
997	G11.268	Hóa chất phân tách chiết trypsin 2,5%, không có phenol đỏ	ml	1.900,00	500,00	- Không bao gồm: EDTA, Phenol Red. - Độ pH: 7,1 - 8,0. - Trypsin được làm từ bột trypsin 2,5%. - Độ thẩm thấu: 270 - 310 mOsm/kg.	G7	Không phải TBYT	22.435,00	42.626.500,00	11.217.500

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
998	G11.290	Kit xét nghiệm THROMBOPHILIA bằng kỹ thuật realtime pcr	Test	260,00	-	Kit xác định các đột biến bao gồm: FII Prothrombin, FV Leiden, FV 1299, FV Cambridge, FV V1702C, MTHFR 677, MTHFR 1298, MTR 2756, MTRR 66, FXIII, VAI34L.eu, Beta-Fibrinogen 555 G>A và PAI-1 4G/5G. Đòng gói gồm 8 mix và 01 ống DNA, kiểm chứng: TRP-12B Mix 1 400 µl TRP-12B Mix 2 400 µl TRP-12B Mix 3 400 µl TRP-12B Mix 4 400 µl TRP-12B Mix 5 400 µl TRP-12B Mix 6 400 µl TRP-12B Mix 7 400 µl TRP-12B Mix 8 400 µl Control DNA 60 µl	Không yêu cầu	Không phải TBVT	839.500,00	218.270.000,00	-
999	G11.293	Định lượng RNA HCV trong huyết thanh bằng kỹ thuật real-time RT-PCR	Test	300,00	50,00	Định lượng RNA HCV trong huyết thanh bằng kỹ thuật real-time RT-PCR với 4 nồng độ chuẩn đương Thành phần hóa chất PCR: - Tris-HCl, pH 8.0, KCl, MgCl2, dNTP: 1 x 350 µL - Hệ môi và mẫu đo nhân bản vùng gene đặc hiệu cho HCV, chúng tôi (IC), TaqMan FAM, HEX: 1 x 280 µL - RT Enzyme & Taq DNA polymerase: 3 x 22 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5 x 10 ² copies/phần ứng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ³ copies/phần ứng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ⁵ copies/phần ứng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ⁷ copies/phần ứng: 1 x 150 µL - Nước Nuclease-Free: 1 mL - Tube PCR: 60 cái	Không yêu cầu	Không phải TBVT	230.000,00	69.000.000,00	11.500.000
1000	G11.300	Bộ kit tách chiết RNA bằng phương pháp cột	Test	250,00	-	Mục đích sử dụng: Để tách chiết RNA vi rút từ huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không có tế bào và chất nhớt từ bề mặt nuôi cấy - Thành phần: Cột lọc: 250 chiếc Ống thu hút 2ml 750 chiếc Đệm AVL: 155 ml Đệm AW1: 98 ml Đệm AW2: 66 ml Đệm AVE: 20 ml Carrier RNA (poly A): 1550 µg	G7	Không phải TBVT	146.880,00	36.720.000,00	-
1001	G11.315	Methanol	ml	430.000,00	127.500,00	- Hãm lượng: 99,8%, Water < 0,03% Là dung môi chất lỏng dùng để chạy máy HPLC - Sử dụng cho các loại kính hiển vi - Độ nhớt ở 20 độ C là 100-120 mpa*s	G7	Không phải TBVT	545,00	234.350.000,00	69.487.500
1002	G11.319	Dầu soi kính	Chai	12,00	3,00	Kháng thể đơn dòng kháng CD45, dòng H130, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể: Chuột, Phân ứng với: Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gần huỳnh quang FITC Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBVT	2.900.000,00	34.800.000,00	8.700.000
1003	G11.359	Thuốc nhuộm CD45 gắn màu FITC	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD45, dòng H130, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể: Chuột, Phân ứng với: Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gần huỳnh quang FITC Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBVT	40.410,00	12.123.000,00	-
1004	G11.29	Hóa chất nhuộm tế bào sử dụng với máy đếm tế bào Countess	ml	2,00	-	Hóa chất có các yêu cầu kỹ thuật: - Phù hợp với các thiết bị đếm tế bào tự động Countess - Nồng độ Trypan Blue ≤ 0,4%	Không yêu cầu	Không phải TBVT	956.000,00	1.912.000,00	-
1005	G11.59	Thuốc nhuộm CD90 gắn màu FITC	Test	300,00	-	Kháng thể kháng được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gần huỳnh quang FITC. Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBVT	120.860,00	36.258.000,00	-

STT	Mã mới mẫu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
1006	G11.60	Thuốc nhuộm IgG1, gắn màu FITC	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-21, isotype là Mouse IgG, k Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang FITC. Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	56.470,00	16.941.000,00	-
1007	G11.61	Thuốc nhuộm, gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng dấu ấn CD44, dòng B118, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE. Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	160.430,00	48.129.000,00	-
1008	G11.62	Thuốc nhuộm gắn màu APC	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD105, dòng 43A3, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang APC Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	165.720,00	49.716.000,00	-
1009	G11.63	Thuốc nhuộm IgG1, gắn màu APC	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-21, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang APC Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	81.270,00	24.381.000,00	-
1010	G11.64	Thuốc nhuộm CD73 (Ecto-5'-nucleotidase) gắn màu PerCP/Cyamine5.5	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD73, dòng AD2, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PerCP/Cyamine5.5 Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	195.260,00	58.578.000,00	-
1011	G11.65	Thuốc nhuộm IgG1, k Isotype Ctrl gắn màu PerCP/Cyamine5.5	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-21, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PerCP/Cyamine5.5 Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	127.180,00	38.154.000,00	-
1012	G11.66	Thuốc nhuộm CD45 gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD45, dòng 2D1, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	72.840,00	21.852.000,00	-
1013	G11.67	Thuốc nhuộm CD34 gắn màu PE	test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD34, dòng 581, isotype là Mouse IgG1, k Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	144.080,00	43.224.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1014	GI.1.168	Chai nuôi cấy tế bào 75cm ² , nắp vent	Cái	800,00	200,00	- Diện tích tế bào phát triển 75cm² - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: chữ U (để cầm nắm và dễ tiếp cận hơn khi thao tác vào chai nắp) - Kiểu nắp: thông khí (vented cap) chứa màng chống thấm nước (ty nước) dày 0,2µm, được sản xuất bằng Polyethylene + Chai dài có nắp: 15 - 16cm + Đường kính ngoài của cổ: 2 - 3 cm + Đường kính ngoài của cổ: 2,5 - 3,5 cm + Chiều rộng: 7 - 10 cm + Chiều cao (độ sâu của bình): 3- 5cm, - Thể tích trung bình: 15 - 22,5 mL - Đã được tiệt trùng bằng tia gamma - Non-Pyrogenic - Không gây độc hại theo tiêu chuẩn USP Loại VI	G7	Không phải TBVT	66.260,00	53.008.000,00	13.252.000
1015	GI.1.190	Pipet nhựa 2 mL	Cái	6.000,00	1.000,00	- Thể tích hút 2mL, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 28.03cm +/- 0.5cm + Đường kính trong: 0.1 - 0.5cm + Đường kính ngoài của pipet: 0.2 - 0.7cm - Thể tích hút tối đa: 2.2mL - Non-Pyrogenic - RNase-DNase-free	G7	Không phải TBVT	6.320,00	37.920.000,00	6.320.000
1016	GI.1.191	Pipet nhựa 5 mL	Cái	5.600,00	1.600,00	- Thể tích hút 5mL, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 34.67cm +/- 0.5cm + Đường kính trong: 0.1 - 0.5cm + Đường kính ngoài của pipet: 0.7 - 0.9cm - Thể tích hút tối đa: 7.5mL - Non-Pyrogenic - RNase-DNase-free	G7	Không phải TBVT	8.160,00	45.696.000,00	13.056.000
1017	GI.1.192	Pipet nhựa 10 mL	Cái	6.200,00	1.800,00	- Thể tích hút 10mL, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 34cm +/- 0.5cm + Đường kính trong: 0.1 - 0.3 cm + Đường kính ngoài của pipet: 0.7 - 1cm - Thể tích hút tối đa: 13mL - Non-Pyrogenic - RNase-DNase-free	G7	Không phải TBVT	8.310,00	51.522.000,00	14.958.000
1018	GI.1.193	Pipet nhựa 25 mL	Cái	7.200,00	2.000,00	- Thể tích hút 25mL, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 34.39cm +/- 0.127cm + Đường kính trong: 0.3 - 0.5cm + Đường kính ngoài của pipet: 1.2 - 1.5cm - Thể tích hút tối đa: 35mL - Non-Pyrogenic - RNase-DNase-free	G7	Không phải TBVT	12.520,00	90.144.000,00	23.040.000
1019	GI.1.197	Đĩa nuôi cấy tế bào 100 x 20 mm	Cái	1.000,00	-	- Kích thước đĩa nuôi cấy: 100x20 mm + Chất liệu đĩa và nắp: Polystyrene + Đường kính ngoài của nắp: 9-10 cm + Đường kính ngoài của đĩa: 8-9 cm + Chiều cao của đĩa với nắp: 2-3 cm + Khu vực tế bào tăng trưởng: 55 cm² + Đường kính bề mặt tăng trưởng: 8-10 cm - Thể tích môi trường trung bình: 11 - 16,5 mL - Sản phẩm được khử trùng - Pyrogenic: Đã được kiểm tra theo tiêu chuẩn ANSI/AAAMI ST 72 hoặc tương đương. Đạt mức chấp nhận của Endotoxins là ≤ 0.10 EU/mL	Không yêu cầu	Không phải TBVT	17.960,00	17.960.000,00	-

STT	Mã mới mẫu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1020	G11.218	Thuốc nhuộm CD11b gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD11b, dòng ICRF44, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	58.050,00	17.415.000,00	-
1021	G11.219	Thuốc nhuộm CD19 gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD19, dòng HB19, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người, các dòng vật linh trưởng Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	34.830,00	10.449.000,00	-
1022	G11.220	Thuốc nhuộm HLA-DR gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng HLA-DR, dòng L243, isotype là Mouse IgG2a, κ Chu thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	87.080,00	26.124.000,00	-
1023	G11.221	Thuốc nhuộm IgG1, κ Isotype Ctrl (FC) gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-21, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	68.080,00	20.424.000,00	-
1024	G11.222	Thuốc nhuộm IgG2a, κ Isotype Ctrl (FC) gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-173, isotype là Mouse IgG2a, κ Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	70.730,00	21.219.000,00	-
1025	G11.225	Hỗn hợp cầu từ dùng để phân ly chất lượng tế bào dòng chảy	ml	6,00	-	Hỗn hợp cầu từ dùng để phân ly chất lượng tế bào dòng chảy. Hỗn hợp gồm các vi cầu polystyrene đồng nhất (đường kính 3.0-3.4μm) với 6 mức cường độ huỳnh quang khác nhau. Các vi cầu huỳnh quang có thể được kích thích bởi laser 488nm, 640nm, 405nm và 561nm, có khoảng rộng các bước sóng phát xạ Nồng độ: khoảng 10 ⁶ cầu từ/ml. Sử dụng 1 giọt pha loãng trong 0.5ml đệm để cho kết quả đánh giá đáng tin cậy	Không yêu cầu	Không phải TBYT	10.151.000,00	60.906.000,00	-
1026	G11.226	Dung dịch đệm dùng cho bước rửa trong máy tế bào dòng chảy	ml	1.300,00	-	Dung dịch đệm dùng cho bước rửa trong máy tế bào dòng chảy, tương thích cho máy Novocyte. Dung dịch đậm đặc, cần pha loãng 5 lần để sử dụng.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	54.720,00	71.136.000,00	-
1027	G11.227	Dung dịch đệm dùng cho bước xả trong máy tế bào dòng chảy	ml	2.000,00	-	Dung dịch đệm dùng cho bước xả trong máy tế bào dòng chảy, tương thích cho máy Novocyte. Dung dịch đậm đặc, cần pha loãng 5 lần để sử dụng.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	52.200,00	104.400.000,00	-
1028	G11.228	Dung dịch chạy mẫu trong máy tế bào dòng chảy	ml	1.500,00	250,00	Dung dịch chạy mẫu trong máy tế bào dòng chảy, tương thích cho máy Novocyte. Dung dịch đậm đặc, cần pha loãng 100 lần để sử dụng	Không yêu cầu	Không phải TBYT	53.280,00	79.920.000,00	13.320.000
1029	G11.230	Bộ kit phân tích tế bào gốc trung mô ở người	Test	300,00	50,00	Thành phần bao gồm: + PE hMSC Negative Cocktail + PE hMSC Isotype Control Negative Cocktail + hMSC Positive Cocktail + hMSC Isotype Control Positive Cocktail + FITC Mouse Anti-Human CD90 + PE Mouse Anti-Human CD44 + PE Mouse IgG2b, κ Isotype Control + APC Mouse Anti-Human CD73 + PerCP-Cy5.5 Mouse Anti-Human CD105 (Endoglin)	G7	Không phải TBYT	1.650.000,00	495.000.000,00	82.500.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1030	G11.254	Bộ Kit tách tế bào đơn nhân từ mô mỡ	Bộ	150,00	45,00	- Mô là sản phẩm: Cell Extraction Kit là bộ sản phẩm dùng để phân tách tế bào đơn từ các mô rắn như mô mỡ. - Đặc tính kỹ thuật: Cell Extraction Kit có hiệu suất trích xuất tế bào cao nhờ sử dụng cơ chế kết hợp giữa enzyme và lực cơ học để phân tách các tế bào đơn từ mô rắn. Hỗn hợp enzyme được thiết kế đặc biệt sử dụng collagenase có độ tinh khiết cao kết hợp với dispase. Sản phẩm đã được đánh giá có hiệu quả phân tách tốt với mô mỡ, mô dây rốn, mô da. Mỗi bộ dùng cụ phù hợp để xử lý đến 50 gram mô. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô khuẩn (0CFU). - Bộ dụng cụ bao gồm: - Package A: Ong Syringe 50 ml (02 cái), CE Extractor (01 cái), Đầu kim 18G (02 cái), CE Extraction Buffer (01 x chai 25 ml.), CE Washing Buffer (01 x chai 100 ml). - Package B: SuperDigest (01 x chai 2,5 ml.) - Điều kiện bảo quản: - Package A: Bảo quản ở nhiệt độ phòng. - Package B: Bảo quản ở nhiệt độ -40oC đến -20oC.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	11.888.000,00	1.783.200.000,00	534.960.000
1031	G11.255	Dung dịch nuôi cấy tăng sinh tế bào gốc trung mô (từ mô mỡ, dây rốn và tủy xương) dùng trong nuôi cấy sơ cấp	ml	11.100,00	3.300,00	- Môi trường nuôi cấy tăng sinh tế bào hiệu suất cao chứa nội độc tố thấp hơn 1EU/ml, không chứa Mycoplasma, đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0 CFU), pH 7,2-8,2. Áp suất thẩm thấu 280- 356 (mOsm/kg). Mỗi trường không chứa và không cần bổ sung huyết thanh bò. - Sử dụng cho nuôi cấy thứ cấp tế bào gốc trung mô từ mô mỡ, mô dây rốn, tủy xương mà không cần bổ sung thêm chất khác. - Sử dụng cho nuôi cấy sơ cấp tế bào gốc trung mô từ mô mỡ, mô dây rốn, tủy xương mà không cần bổ sung thêm chất khác.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	86.560,00	960.816.000,00	285.648.000
1032	G11.256	Dung dịch nuôi cấy tăng sinh tế bào gốc trung mô (từ mô mỡ, dây rốn và tủy xương) dùng trong nuôi cấy thứ cấp	ml	29.500,00	8.500,00	- Môi trường nuôi cấy tăng sinh tế bào hiệu suất cao chứa nội độc tố thấp hơn 1EU/ml, không chứa Mycoplasma, đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0 CFU), pH 7,2-8,2. Áp suất thẩm thấu 280- 356 (mOsm/kg). Mỗi trường không chứa và không cần bổ sung huyết thanh bò. - Sử dụng cho nuôi cấy thứ cấp tế bào gốc trung mô từ mô mỡ, mô dây rốn, tủy xương mà không cần bổ sung thêm chất khác.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	43.330,00	1.278.235.000,00	368.305.000
1033	G11.260	Dung dịch tách tế bào đơn	ml	13.200,00	3.900,00	- Dung dịch tách những tế bào có đặc tính bám dính yếu trong nuôi cấy mà không gây tổn thương tế bào, hạn chế tối đa tác động gây bào hoá tế bào so với trypsin. Dung dịch không chứa protein có nguồn gốc từ Mycoplasma, đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0 CFU), pH 7,0-7,5. - Môi trường chứa nội độc tố thấp hơn 1EU/ml, không chứa đông vật.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	44.260,00	584.232.000,00	172.614.000
1034	G11.266	Dung dịch giữ đông tế bào	ml	1.100,00	300,00	- Dung dịch hoạt hoá tế bào gốc sau khi bảo quản đông lạnh, không chứa huyết thanh động vật, không chứa protein có nguồn gốc động vật. - Sử dụng ngay mà không cần bổ sung thêm bất cứ chất nào khác. - Dung dịch vô khuẩn (0 CFU), không chứa mycoplasma, nội độc tố thấp hơn 0,3EU/ml, pH 6,5-7,4. - Thể tích: 150ml, tiệt trùng - Vật liệu polystyrene - Nắp polyethylene 45 mm - Sản phẩm được tiệt trùng - Nonpyrogenic.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	19.500,00	21.450.000,00	5.850.000
1035	G11.271	Chai vận chuyển mô dây rốn	cái	432,00	120,00	- Đường kính miệng: 28mm, tiệt trùng - Kích thước lỗ lọc: 0,2µm - Màng xenlulo acetat (SfCA) không chứa chất hoạt động bề mặt cùng cấp lên kết protein hấp thụ - Pyrogenic: Đã được kiểm tra, đạt mức chấp nhận của Endotoxins là ≤ 0,10 EU/ml	G7	Không phải TBVT	74.260,00	32.080.320,00	8.911.200
1036	G11.272	Màng lọc vi sinh 0,2µm	Cái	700,00	200,00	- Đường kính miệng: 28mm, tiệt trùng - Kích thước lỗ lọc: 0,2µm - Màng xenlulo acetat (SfCA) không chứa chất hoạt động bề mặt cùng cấp lên kết protein hấp thụ - Pyrogenic: Đã được kiểm tra, đạt mức chấp nhận của Endotoxins là ≤ 0,10 EU/ml	G7	Không phải TBVT	87.310,00	61.117.000,00	17.462.000
1037	G11.273	Dung dịch bảo vệ lạnh cho tế bào, có nguồn gốc từ Máu người rốn, Máu ngoại vi, tủy xương, các mô và tế bào sinh học khác	ml	3.000,00	900,00	• Chứa Dimethyl Sulfoxide • Là một dung dịch bảo quản lạnh cho các tế bào gốc có nguồn gốc từ Máu người rốn, Máu ngoại vi, tủy xương, các mô và tế bào sinh học khác. • Đạt chuẩn USP hoặc tương đương. PhEur: DNISO > 99,9%. • Hệ tự khóa màng sống sót của tế bào cao.	G7	Không phải TBVT	46.890,00	140.670.000,00	42.201.000

STT	Mã mới thầu	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1038	G11.274	Dung dịch nuôi dưỡng tế bào, hỗ trợ ổn định protein	ml	3.000,00	900,00	- Dung dịch bảo quản đông lạnh và hỗ trợ ổn định protein - Chất lượng dùng cho Y được. - Độ tinh sạch cao. - Đạt tiêu chuẩn cGMP - Trọng lượng trung bình MW 40.000 - Nồng độ tối thiểu <1,0 EU/ml - Độ pH: 4,5-5,9 - Đã lọc vô trùng - Bảo quản: 2-8 °C, tránh ánh sáng trực tiếp - Đã ổn định: 24 tháng kể từ ngày sản xuất	G7	Không phải TBYT	48.020,00	144.060.000,00	43.218.000
1039	G11.276	Túi bao ngoài bằng nhựa dùng trong hệ thống lưu trữ tế bào góc màu cường rắn	Cái	1.152,00	256,00	• Lam bằng nhựa Teflon FEP film, chịu được nhiệt độ dưới -195oC (trong điều kiện ngưng lạnh), được thiết kế chuyên bảo vệ túi freezing bag chứa tế bào gốc. • Kích thước overwrap phù hợp với bất kỳ loại canister nào của hệ thống lưu trữ tế bào gốc trong ngưng lạnh. • Siêu bền trong va chạm (trong quá trình vận chuyển mẫu). • Hộp bảo vệ cho túi đông lạnh màu cường rắn với thể tích 25mL. • Kích thước bên trong: 91 mm / 77 mm / 9 mm (W / L / H), chất liệu: nhôm, đánh bóng, dày 0,6 mm • Kích thước bên ngoài: 95 mm / 84 mm / 11 mm (W / L / H), chất liệu: nhôm, đánh bóng, dày 0,6 mm	G7	Không phải TBYT	331.000,00	381.312.000,00	84.736.000
1040	G11.277	Hộp (Cassette) bảo vệ túi lưu trữ đông lạnh tế bào góc màu cường rắn	Cái	640,00	192,00	- Kit xác định Mycoplasma. - Thành phần: + 3 x 1,2 mL (lyophilized) + 3 x 3 mL Assay Buffer) - Chứng dương cho kit xác định Mycoplasma - Thành phần: + 1 x 1mL Assay Control (lyophilized) + 1 x 2 mL Assay Buffer	G7	Không phải TBYT	581.000,00	371.840.000,00	111.552.000
1041	G11.312	Hóa chất xét nghiệm Mycoplasma	Test	420,00	120,00		G7	Không phải TBYT	700.200,00	294.084.000,00	84.024.000
1042	G11.313	Hóa chất làm đối chứng xét nghiệm Mycoplasma	Test	50,00	10,00		G7	Không phải TBYT	809.460,00	40.473.000,00	8.094.600
1043	G11.361	Dung dịch nhuộm tế bào dùng cho định danh MSC trên máy đếm dòng chảy	ml	1.500,00	-	- Đệm sử dụng để pha loãng kháng thể và sử dụng trong bước rửa, tối ưu cho quy trình nhuộm huỳnh quang miễn dịch - Thành phần chứa huyết thanh bê lằm chất mang protein, giảm các liên kết không đặc hiệu giữa kháng thể và tế bào đích. Chứa chất ức chế quá trình trao đổi chất như sodium azide (NaN), không chứa biotin.	G7	Không phải TBYT	8.860,00	13.290.000,00	-
1044	G11.380	Dung dịch vận chuyển mô/mẫu (mô mỡ, cường rắn, mô da)	ml	21.500,00	6.000,00	- Dung dịch vận chuyển mô/mẫu như mô mỡ, cường rắn, mô da trong quá trình sản xuất các sản phẩm tế bào. - Dung dịch vô khuẩn, không chứa mycoplasma, nội độc tố ≤ 1EU/ml, pH 7,0-7,8	Không yêu cầu	Không phải TBYT	8.880,00	190.920.000,00	53.280.000
1045	G11.382	Bộ lọc bảo trì máy tế bào đông chảy	Cái	30,00	-	- Bộ lọc bảo trì, sử dụng cho máy tế bào đông chảy, đóng gói 1 hộp bao gồm: - Lọc cho chất lỏng chảy máy đầu vào: 6 cái - Lọc cho chất lỏng xả đầu vào: 6 cái - Lọc cho chất lỏng rửa đầu vào: 6 cái - Lọc cho chất thải: 6 cái - Lọc cho chất lỏng chảy máy: 6 cái	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.500.300,00	45.009.000,00	-
1046	G11.385	Dung dịch nhuộm sống chết	Test	1.000,00	-	- Vật liệu: Bộ lọc Polypropylene, màng Polyester, tương thích với máy tế bào đông chảy Novocyte hoặc tương đương - Thuốc nhuộm 7-AAD (7-amino-actinomycin D) được sử dụng để phân tích DNA và phân biệt các tế bào chết trong quần thể bằng phản tích dòng chảy tế bào 7AAD có thuốc tính liên kết với DNA và không nhuộm được các tế bào nguyên vẹn. - Khi được kích thích bởi laser 488nm, 7-AAD có thể được phát hiện ở dài do xa (bộ lọc thông dài hơn 650nm)	G7	Không phải TBYT	6.490,00	6.490.000,00	-
1047	G11.411	Màng nhựa đựng hóa chất 50ml	cái	1.000,00	200,00	- Màng đựng hóa chất 50ml, dùng được cho các pipet đa kênh - Chất liệu: polystyrene, màu trắng - Chứng chỉ: Non-Pyrogenic, DNase/RNase Free - Sản phẩm đã được khử trùng.	G7	Không phải TBYT	21.960,00	21.960.000,00	4.392.000
1048	G11.414	Giếng đáy chữ V	cái	250,00	-	- Đĩa 96 giếng đáy chữ V, đóng gói từng chiếc, tổng thể tích 320 µL. - Chất liệu: Polystyrene - Thiết kế làm việc khuyến nghị từ 75 đến 200 µL. - Diện tích tăng trưởng tế bào 0,3 -0,5 cm².	G7	Không phải TBYT	134.550,00	33.637.500,00	-

STT	Mã nội thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1049	G11.420	Kit Phát hiện và định typ gene vacc-a/gaA của H. Pylori	test	100,00	-	Phát hiện và định typ gene vacA-gaA của H. Pylori trong mẫu sinh thiết đa dây bằng kỹ thuật realtime PCR Thành phần: MasterMix A, PrimobexA, MasterMix B, PrimobexMix B, Chứng dương, Chứng âm, Tube PCR Giới hạn phát hiện 50% (1 OD50). 10-20 bản sao/phần ứng.	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	199.100,00	19.910.000,00	-
1050	G11.423	Dung dịch bảo quản tế bào/ mô không DMSO	ml	300,00	-	Dung dịch bảo quản tế bào/mô không chứa DMSO. Nồng độ từ $\leq 0,5$ EU/ml, âm tính với mycoplasma, đạt vô khuẩn (OCFU), pH nằm trong khoảng 6,5-7,4.	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	689.250,00	206.775.000,00	-
1051	G11.424	Dung dịch rửa đông tế bào sau đông lạnh bằng môi trường bảo quản tế bào không chứa DMSO	ml	800,00	-	Dung dịch rửa đông tế bào sau đông lạnh bằng môi trường bảo quản không chứa DMSO. Nồng độ từ $\leq 0,25$ EU/ml, âm tính với mycoplasma, đạt vô khuẩn (OCFU).	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	21.490,00	17.192.000,00	-
1052	G11.279	Hộp đựng ống bảo quản mẫu 2ml, 81 vị trí	Cái	80,00	-	Chất liệu nhựa Polypropylen (PP) Kích thước: chiều dài 130 - 141 mm, chiều rộng 130 - 141 mm, chiều cao 30 - 40 mm	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	75.500,00	6.040.000,00	-
1053	G11.108	Kit phát hiện HSV1/2 bằng qPCR	Test	100,00	-	Phát hiện DNA của 3 tác nhân vi sinh lây truyền qua đường tình dục trong các mẫu dịch tiết sinh dục và nước tiểu bằng phương pháp Real- time PCR: Herpes simplex virus 1 (HSV-1), Herpes simplex virus 2 (HSV-2), Gardnerella vaginalis (GV) - Thành phần: MasterMix, PrimobexMix, Chứng âm, Chứng dương - Giới hạn phát hiện (LOD50): 3-10 copies/phần ứng	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	148.500,00	14.850.000,00	-
1054	G11.267	Guemsa	ml	11.000,00	3.000,00	Dung dịch chứa azure B/azure II-eosin/methylene blue, theo tỉ lệ trong lượng là 1:12:2 trong hỗn hợp glycerol/methanol theo tỉ lệ thể tích là 5:24 - Phù hợp với các chủng vi sinh: Chlamydia spp., Histoplasma spp., Plasmodium spp., Trichomonas spp., bacteria, protozoa, spirochetes	Châu Âu	Không phải TBVT	10.207,00	112.277.000,00	30.621.000
1055	G11.133	Hóa chất định lượng nội độc tố	Test	960,00	240,00	Hóa chất phát hiện nội độc tố có các yêu cầu kỹ thuật sau: • Khoảng phát hiện từ 0,01 EU/ml đến 1 EU/ml. • Không bị ảnh hưởng bởi β -glucans, thích hợp với nhiều loại mẫu • Thời gian thực hiện ≤ 20 phút • Phù hợp với thử nghiệm end-point sử dụng máy đọc đĩa vi khuẩn sống 405-410 nm	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	251.466,00	241.407.360,00	60.351.840
1056	G11.198	Ống 5 ml đáy tròn	Cái	4.000,00	1.000,00	- Thể tích: 5ml, đáy tròn - Chất liệu ống: Polypropylene nguyên chất - Chiều dài ống: 70 - 80mm - Đường kính ngoài: 10 - 12 mm - Không chứa DNase/Rnase - RPC tối đa: 1400 xg - Không chứa nội độc tố, kết quả kiểm tra nồng độ nội độc tố $\leq 0,1$ EU/ml - Không chứa DNase/Rnase.	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	5.860,00	23.440.000,00	5.860.000
1057	G11.265	Dung dịch bảo quản mô, tế bào	ml	3.700,00	1.100,00	- Môi trường bảo quản tế bào/mô bằng phương pháp đông lạnh. Nồng độ từ $\leq 1,0$ EU/ml, âm tính với mycoplasma, đạt vô khuẩn (OCFU), pH nằm trong khoảng 6,5-7,4	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	201.870,00	746.919.000,00	222.057.000
1058	G11.360	Màng lọc vô khuẩn	Cái	400,00	100,00	Màng lọc tế bào kích thước lỗ lọc 70 μ m Khung polypyrrolene Tiệt trùng, không chứa nội độc tố	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	96.820,00	38.728.000,00	9.682.000
1059	G11.452	Pipet transfer 3ml không tiệt trung	cái	36.500,00	10.500,00	- Bề mặt giảm bám dính tế bào và protein - Có thể được đông lạnh trong nitơ lỏng, hoặc trong heat sealed để lưu trữ - Chất liệu: LDPE - Thể tích: 3ml - Có vạch chia thể tích: 1, 2, 3 mL - Chiều dài: 14 -18 cm - Không tiệt trùng	G7	Không phải TBVT	1.100,00	40.150.000,00	11.550.000
1060	G11.454	Dung dịch hạn chế sự lão hóa của tế bào	mL	32.000,00	9.500,00	Dung dịch rửa tế bào giúp ngăn ngừa sự lão hóa tế bào trong suốt quá trình nuôi cấy - Nồng độ từ $\leq 1,0$ EU/ml, âm tính với mycoplasma, đạt vô khuẩn (OCFU), pH nằm trong khoảng 7,3-8,2	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	6.450,00	206.400.000,00	61.275.000
1061	G11.457	Dung dịch đệm cho nhuộm miền dịch huỳnh quang	mL	1.500,00	-	Thành phần: dung dịch muối trung tính được bổ sung huyết thanh thai bò đã bất hoạt. Tối ưu hóa tỉ lệ hiệu huỳnh quang cũng như duy trì khả năng sống của tế bào	Không yêu cầu TBVT	Không phải TBVT	12.419,00	18.628.500,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1062	G11.458	Đĩa 96 giếng đáy phẳng	Cái	400,00	-	Đĩa 96 giếng, đáy phẳng, màu trắng, không nắp Bề mặt polystyrene, kỵ nước Có khả năng liên kết khoảng 100 đến 200ng IgG/cm2 - Giảm nhiễu xuyên âm từ giếng đến giếng - Tổng thể tích là 360 µL, thể tích làm việc từ 75 đến 200 µL. - Thể tích hút: 100 - 1000 µL - Vật liệu: Polystyrene - Kích thước: dài: 70 - 75 mm - Có vạch chia 250, 500 và 1.000 µL - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, RNase-/DNase-free - Thể tích hút: 1 - 200 µL - Vật liệu: Polystyrene - Kích thước: dài: 50 - 55mm - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Có thể hấp diệt trùng ở 121°C và 15 psi trong 15 phút.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	120.000,00	48.000.000,00	-
1063	G11.459	Đầu tip 1000ul	Cái	3.000,00	-	- Vật liệu: Polystyrene - Kích thước: dài: 70 - 75 mm - Có vạch chia 250, 500 và 1.000 µL - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, RNase-/DNase-free - Thể tích hút: 1 - 200 µL - Vật liệu: Polystyrene - Kích thước: dài: 50 - 55mm - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Có thể hấp diệt trùng ở 121°C và 15 psi trong 15 phút.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	700,00	2.100.000,00	-
1064	G11.460	Đầu tip 200ul	Cái	3.000,00	-	- Vật liệu: Polystyrene - Kích thước: dài: 50 - 55mm - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Có thể hấp diệt trùng ở 121°C và 15 psi trong 15 phút.	G7	Không phải TBYT	278,00	834.000,00	-
1065	G11.177	Tuýp bảo quản mẫu 2 mL	Cái	4.000,00	1.000,00	- Thể tích: 2ml - Chất liệu ống: Virgin Polypropylene - Tự đóng, đáy tròn, nắp ren ngoài. - Chất liệu nắp: Polypropylene - Chất liệu vòng đệm: Silicone - Kích thước: + Chiều dài ống và nắp: 3 - 5 cm + Đường kính của ống: 1 - 3 cm - Chịu được nhiệt độ âm sâu -196°C - Sản phẩm đã được kiểm tra không chứa: RNase/DNase. - Không gây độc tế bào theo tiêu chuẩn USP Class VI - Tiết trùng, mức đảm bảo vô trùng (SAL) tối thiểu là 10-5 - Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,97 % - Độ đồng nhất (IR) - Cân bay hơi ≤ 1,0 mg/l - Nước ≤ 0,01 % - Màu ≤ 10 Hazen - Độ axit ≤ 0,0001 meq/g - Độ kiềm ≤ 0,0002 meq/g - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 10 ppb - Fe (Sắt) ≤ 10 ppb - K (Kali) ≤ 5 ppb - Mg (Magiê) ≤ 10 ppb - Na (Natri) ≤ 50 ppb - Kim loại khác (ICP-MS) ≤ 5 phần trăm	Không yêu cầu	Không phải TBYT	14.820,00	59.280.000,00	14.820.000
1066	G11.464	Acetonitrile hypergrade for LC-MS	ML	30.000,00	-	- Nước dùng cho sắc ký: - Độ dẫn điện ở 25 °C (tại thời điểm sản xuất) ≤ 1 µS/cm - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 100 ppb - Fe (Sắt) ≤ 5 ppb - K (Kali) ≤ 10 ppb - Mg (Magiê) ≤ 20 ppb - Na (Natri) ≤ 200 ppb - Kim loại khác (ICP-MS) ≤ 5 ppb - Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,97 % - Độ đồng nhất (IR) Phù hợp - Cân bay hơi ≤ 1,0 mg/l - Nước ≤ 0,01 % - Độ axit ≤ 0,0002 meq/g - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 10 ppb - Fe (Sắt) ≤ 10 ppb - K (Kali) ≤ 5 ppb - Mg (Magiê) ≤ 10 ppb - Na (Natri) ≤ 100 ppb	Không yêu cầu	Không phải TBYT	3.600,00	108.000.000,00	-
1067	G11.465	Nước dùng cho sắc ký	ML	225.000,00	-	- Nước dùng cho sắc ký: - Độ dẫn điện ở 25 °C (tại thời điểm sản xuất) ≤ 1 µS/cm - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 100 ppb - Fe (Sắt) ≤ 5 ppb - K (Kali) ≤ 10 ppb - Mg (Magiê) ≤ 20 ppb - Na (Natri) ≤ 200 ppb - Kim loại khác (ICP-MS) ≤ 5 ppb - Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,97 % - Độ đồng nhất (IR) Phù hợp - Cân bay hơi ≤ 1,0 mg/l - Nước ≤ 0,01 % - Độ axit ≤ 0,0002 meq/g - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 10 ppb - Fe (Sắt) ≤ 10 ppb - K (Kali) ≤ 5 ppb - Mg (Magiê) ≤ 10 ppb - Na (Natri) ≤ 100 ppb	Không yêu cầu	Không phải TBYT	390,00	87.750.000,00	-
1068	G11.466	Methanol hypergrade for LC-MS	ML	96.000,00	-	- Nước dùng cho sắc ký: - Độ dẫn điện ở 25 °C (tại thời điểm sản xuất) ≤ 1 µS/cm - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 100 ppb - Fe (Sắt) ≤ 5 ppb - K (Kali) ≤ 10 ppb - Mg (Magiê) ≤ 20 ppb - Na (Natri) ≤ 200 ppb - Kim loại khác (ICP-MS) ≤ 5 ppb - Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,97 % - Độ đồng nhất (IR) Phù hợp - Cân bay hơi ≤ 1,0 mg/l - Nước ≤ 0,01 % - Độ axit ≤ 0,0002 meq/g - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 10 ppb - Fe (Sắt) ≤ 10 ppb - K (Kali) ≤ 5 ppb - Mg (Magiê) ≤ 10 ppb - Na (Natri) ≤ 100 ppb	Không yêu cầu	Không phải TBYT	2.400,00	230.400.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1069	G11.467	Tips 20-300ul	Chức	6.000,00	-	- Chiều dài: 55 mm - Thể tích: 20 – 300 μL - Vật liệu: polypropylene, chịu được nhiệt độ từ +120 đến -190°C - Được làm từ nhựa nguyên sinh, không có chất thải từ nhựa ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm (cung cấp chứng chỉ vật liệu nhựa nguyên sinh)	G7	Không phải TBVT	2.100,00	12.600.000,00	-
1070	G11.468	Tips 50-1000ul	Chức	6.000,00	-	- Chiều dài: 71 mm - Thể tích: 50 – 1000 μL - Vật liệu: polypropylene, chịu được nhiệt độ từ +120 đến -190°C - Có thể hấp khử trùng ở 121°C - Được làm từ nhựa nguyên sinh, không có chất thải từ nhựa ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm (cung cấp chứng chỉ vật liệu nhựa nguyên sinh)	G7	Không phải TBVT	2.100,00	12.600.000,00	-
1071	G11.469	Bộ hóa chất dùng trong xét nghiệm đếm tế bào NK	Test	660,00	175,00	- Cocktail 6 màu TBNK của người, dòng SK7, 5.1H11, B73.1, 2D1, SK3, SJ25C1, SK1, isotype Ia Chuột IgG1, K - Loại cocktail này nhằm phân biệt và xác định thành phần của Tế bào T, Tế bào B, Tế bào NK và Tế bào NKT. - Cocktail chứa CD3-FTIC, CD56-PE, CD16-PE, CD45-PerCP/Cyamine5, CD19-APC, CD8-APCFire™ 750, CD4-PE/Cyamine7. - Chuột thể: Chuột - Phản ứng với: Người - Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA - Tất cả các kháng thể được tinh chế bằng sắc ký ái lực và lên hộp - Ứng dụng: Phân tích tế bào dòng chảy (FC) - Bảo quản: 2 °C - 8 °C tránh sáng, không trữ đông	G7	Không phải TBVT	1.010.600,00	666.996.000,00	176.855.000